

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;
Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 79 /TTr-STC ngày tháng 27 tháng 7 năm 2022 và Báo cáo số 152/BC-STC ngày 05 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.



2. Đối tượng áp dụng

- a) Cục Thuế tỉnh, các Chi cục Thuế khu vực.
- b) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp lệ phí trước bạ đối với nhà.
- c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà

Giá tính lệ phí trước bạ đối với 01 mét vuông nhà được xác định theo từng cấp nhà, cụ thể như sau:

STT	Loại nhà	Đơn giá (1.000 đồng/m ²)
1	Nhà cấp IV	
1.1	Khung gỗ	2.760
1.2	Xây gạch ống chịu lực	3.519
1.3	Khung bê tông cốt thép	4.659
1.4	Khung thép tiền chế và các loại nhà cấp IV có kết cấu khác các loại trên (nhà xưởng, nhà kho...)	2.583
2	Nhà cấp III	5.569
3	Nhà cấp II	7.632



Điều 3. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ

1. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ được xác định cụ thể như sau:

Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ (%) = 100% - Thời gian đã sử dụng nhà (năm) x Tỷ lệ hao mòn nhà theo từng cấp nhà (%/năm).

Trong đó:

- Tỷ lệ hao mòn nhà theo từng cấp nhà được quy định cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ hao mòn đối với nhà cấp II: 2%/năm.

+ Tỷ lệ hao mòn đối với nhà cấp III: 4%/năm.

+ Tỷ lệ hao mòn đối với nhà cấp IV: 6,67%/năm

- Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến thời điểm kê khai, nộp lệ phí trước bạ nhà đó. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng nhà thì người kê khai nộp lệ phí trước bạ tự xác định thời gian đã sử dụng của nhà, thực hiện kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai

của mình. Thời gian đã sử dụng của nhà được tính được tính theo năm (đủ 12 tháng). Trong trường hợp thời gian đã sử dụng của nhà có tháng lẻ ít hơn hoặc bằng 06 tháng được tính bằng 1/2 năm, trên 06 tháng được tính bằng 01 năm.

2. Việc xác định cấp, loại nhà thực hiện theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và hồ sơ pháp lý liên quan về nhà kèm theo hồ sơ kê khai của người nộp thuế. Cơ quan Thuế chủ trì thực hiện xác định cấp loại nhà để tính thuế trước bạ. Trường hợp không đủ cơ sở xác định cấp loại nhà để tính lệ phí trước bạ, Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính xem xét, xác định cấp loại nhà theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2022.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT (KV).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Chiến

